

Số: 70/2024/QĐCNTTLH

Ân Thi, ngày 28 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 32, 33, 34 và Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn của chị Chu Thị O và anh Đặng Trường G.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2024 về việc xin ly hôn của chị Chu Thị O.
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12/8/2024 về thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn của các bên tham gia hòa giải sau đây:

* Người khởi kiện:

- Chị Chu Thị O, sinh năm 1991;

* Người bị kiện:

- Anh Đặng Trường G, sinh năm 1982;

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Đặng Minh N, sinh ngày 25/02/2013;

+ Cháu Đặng Minh T, sinh ngày 28/7/2015.

Đều đăng ký HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

* Những người đại diện theo pháp luật cho cháu N và cháu T: Chị Chu Thị O và anh Đặng Trường G.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 8 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 8 năm 2024 cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị O và anh Đặng Trường G tự nguyện thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị O và anh G có 02 con chung là cháu Đặng Minh N, sinh ngày 25/02/2013 và cháu Đặng Minh T, sinh ngày 28/7/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị O và anh G. Chị O và anh G thỏa thuận, anh G được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên. Chị O tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh G là 1.500.000đồng/cháu/tháng. Tổng là 3.000.000đồng/hai cháu/tháng. Thời hạn kể từ tháng 9/2024 cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên. Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Chị O và anh G tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Lũng

